TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày 15 - 01 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Thanh Tâm

2. Ông Lê Xuân Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoa - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2024/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/QĐXX ST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số:1559/2024/QĐST-HPT ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Huỳnh L, sinh năm 1948

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn bà Đ, ông L vắng mặt; ông N yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị B trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2017, bà B có cho vợ chồng ông Huỳnh L, bà Nguyễn Thị Đ mượn 5 lần tiền với tổng số tiền 353.000.000đồng để vợ chồng bà Đ, ông L sửa chữa tàu cá đánh bắt hải sản, phục vụ lợi ích kinh tế chung của gia đình. Thời gian vợ chồng ông L bà Đ mượn tiền cụ thể như sau: Ngày 20/02/2014 mượn 70.000.000đồng, thời hạn trả tiền hai tháng; ngày 20/3/2014 mượn 55.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền; năm 2015, mượn 33.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền; ngày 20/10/ 2016 (âm lịch), mượn 40.000.000đồng, thời hạn trả tiền 4 tháng; ngày 16/11/2017, mượn 155.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Trong 05 giấy mượn tiền không ghi lãi suất, nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 4.000.000đồng/100.000.000đồng/1 tháng. Vợ chồng bà Đ, ông L trả cho bà được 60.000.000đồng tiền gốc và 7.000.000đồng tiền lãi. Hiện nay, còn nợ 293.000.000đồng tiền gốc nhưng vợ chồng bà Đ không trả. Do đó, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Đ, ông L trả cho bà số tiền 293.000.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với giấy ghi mượn tiền năm 2015, số tiền 33.000.000đồng là do bà Đ tự viết và ký tên Huỳnh N (con của vợ chồng ông L, bà Đ) vào giấy mượn tiền nhưng thực tế ông N không mượn tiền của bà nên bà không yêu cầu ông N trả khoản tiền này.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận, từ năm 2014 đến năm 2017 vợ chồng bà có mượn của bà Đoàn Thị B 5 lần tiền với tổng số tiền 353.000.000đồng để sửa chữa tàu cá đánh bắt hải sản, phục vụ lợi ích kinh tế chung của gia đình. Thời gian và số tiền mượn đúng như 05 giấy mượn tiền mà bà B đã cung cấp cho tòa án. Hai bên có viết giấy mượn tiền, chữ ký Nguyễn Thị Đ trong 5 giấy mượn tiền đúng là chữ ký của bà, tuy trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói cụ thể thời gian từ năm 2014 đến 2016 thỏa thuận lãi 15.000.000đồng/200.000.000đồng/01 tháng, thời gian năm 2017 thì thỏa thuận lãi suất 4.000.000đồng/100.000.000đồng/1 tháng. Đối với giấy ghi mượn tiền năm 2015 số tiền 33.000.000đồng là do bà viết, lúc mượn tiền bà tự ý ghi và ký tên Huỳnh N vào giấy mượn tiền với mục đích là để bà B tin tưởng cho vợ chồng bà mượn tiền nhưng thực tế ông Huỳnh N không mượn tiền của bà B. Sau đó, vợ chồng bà đã trả được 253.000.000 đồng tiền gốc và 56.000.000 đồng đồng tiền lãi. Vì có mối quan hệ bà con tin tưởng nhau nên lúc trả tiền không lập giấy tờ gì cho việc trả tiền gốc cũng như tiền lãi. Hiện nay vợ chồng bà chỉ còn nợ bà B số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về phía bị đơn ông Huỳnh L, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho L theo quy định của pháp luật nhưng ông L luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có lời khai của ông L. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh N trình bày: Ông là con của vợ chồng ông Huỳnh L, bà Nguyễn Thị Đ. Theo giấy mượn tiền năm 2015 có nội dung bà Nguyễn Thị Đ, ông Huỳnh L và Huỳnh N mượn của bà B số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) có ghi tên của ông là Huỳnh N nhưng thực tế ông không có mượn tiền của bà B, chữ ký Huỳnh N trong giấy mượn tiền là do mẹ ông là bà Đ ký tên của ông chứ không phải chữ ký của ông. Do đó, ông không có liên quan đến khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71,72,73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với bị đơn là ông Huỳnh L đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 288, 463, 469,470 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B, buộc vợ chồng ông Huỳnh L bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho bà B số tiền 293.000.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông L, bà Đ thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án dân phí sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho vợ chồng bà Đ, ông L nhưng vợ chồng bà Đ, ông L vắng mặt không có lý do; ông Huỳnh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng bà Đ, ông L và ông N.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị B yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh L, bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà số tiền 293.000.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Đoàn Thị B và bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận từ năm 2014 đến 2017 bà Đoàn Thị B có cho vợ chồng ông Huỳnh L, bà Nguyễn Thị Đ mượn tổng số tiền 353.000.000đồng, cụ thể: ngày 20/02/2014 ông L bà Đ ký giấy mượn tiền 70.000.000đồng, thời hạn trả tiền là hai tháng; ngày 20/3/2014 bà Đ ký giấy mượn 55.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền; năm 2015 ông L, bà Đ ký giấy mượn 33.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền; ngày 20/10/ 2016 (âm lịch), ông L, bà Đ ký mượn 40.000.000đồng, thời hạn trả tiền là 4 tháng; ngày 16/11/2017, ông L bà Đ ký mượn 155.000.000đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền. Trong 05 giấy mượn tiền không ghi lãi suất. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định, việc bà B cho vợ chồng ông L, bà Đ mượn số tiền 353.000.000đồng là có thật và đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Về lãi suất: Hai bên đều thừa nhận, tuy trong giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận bằng lời nói. Bà B cho rằng, lãi suất 4.000.000đồng/1.000.000đồng/1 tháng và sau khi vay thì vợ chồng ông bà Đ có trả lãi cho bà được 7.000.000đồng; bị đơn cho rằng lãi suất vay từ năm 2014 đến 2016 thỏa thuận lãi 15.000.000đồng/200.000.000đồng/01 tháng, thời gian năm 2017 thì thỏa thuận lãi suất 4.000.000đồng/100.000.000đồng/1 tháng. Vợ chồng bà đã trả được 56.000.000đồng. Việc trả lãi không có giấy tờ, nguyên đơn và bị đơn đều không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc vay có lãi cũng như số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều không tranh chấp về lãi suất. Do vậy, căn cứ vào 05 giấy mượn tiền, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Bà B cho rằng, sau khi mượn tiền, vợ chồng bà Đ có trả cho bà được 60.000.000đồng, còn nợ 293.000.000đồng nhưng vợ chồng bà Đ, ông L không trả cho bà. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ không chấp nhận yêu cầu của bà B và cho

rằng vợ chồng bà đã trả cho bà B số tiền 253.000.000đồng, hiện chỉ còn nợ 100.000.000đồng, việc này không được bà B thừa nhận, đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả cho bà B số tiền 253.000.000đồng nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà Đ.

Xét thấy: Trong 5 giấy mượn tiền có 01 giấy mượn tiền ngày 20/3/2014, số tiền mượn 55.000.000đồng chỉ có một mình bà Đ ký tên nhưng bà Đ thừa nhận việc mượn tiền này để sửa chữa ghe phục vụ kinh tế chung của gia đình và ông L cũng biết việc này. Do đó, ông L phải có nghĩa vụ cùng với bà Đ trả cho bà B khoản tiền này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[3] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Đoàn Thị B và vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông Huỳnh L là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, yêu cầu của bà B phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Huỳnh L bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho bà B số tiền 293.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông L, bà Đ thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B. Buộc vợ chồng ông Huỳnh L bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho bà Đoàn Thị B số tiền 293.000.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông L bà Đ thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Bích